TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/DS-PT
Ngày 14 - 3 - 2023
V/v tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị K Anh

Ông Bùi Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 212/2022/TLPT-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 106/2022/DS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1939; Hộ khẩu thường trú: ấp Tường A, xã Vĩnh Phú Đ, huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: ấp Long T, thị trấn Phước L, huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Thái Thị D là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1963; Địa chỉ: ấp Tường A, xã Vĩnh Phú Đ, huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Ngũ Thị N, sinh năm 1963; Địa chỉ: ấp Tường A, xã Vĩnh Phú Đ, huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nữa: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1963; Địa chỉ: ấp Tường A, xã Vĩnh Phú Đ, huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

3.2. Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1996 (có mặt)

3.3. Chị Nguyễn Thị Mỹ N1, sinh năm 2007 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Tường A, xã Vĩnh Phú Đ, huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật của chị Nương: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1963 và chị Ngũ Thị N, sinh năm 1963; Cùng địa chỉ: ấp Tường I, xã Vĩnh Phú Đ, huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

3.4. Chị Phan Thị K; Địa chỉ: Khóm B, thị trấn Sông Đ, huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.5. Anh Phan Văn C; Địa chỉ: ấp Long T, thị trấn Phước L, huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

3.6. Anh Phan Văn K (vắng mặt)

3.7. Chị Phan Thị T (vắng mặt)

3.8. Anh Phan Thanh M, sinh năm 1975 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Tường A, xã Vĩnh Phú Đ, huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Huỳnh Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày:

Nguồn gốc phần đất của cha mẹ bà là ông Huỳnh Văn T và bà Đỗ Thị L nhận chuyển nhượng của người khác ngang 26 tầm, dài 19 tầm. Năm 1960 cha mẹ bà cho bà ngang 07 tầm, dài 19 tầm, việc cho đất chỉ nói miệng, không có làm giấy tờ. Năm 1963, cha mẹ bà mới cho em gái bà là Huỳnh Thị N2 phần đất ngang 05 tầm, dài 19 tầm, sau khi được cho bà N2 cất nhà ở trên đất được 03 năm thì vợ chồng bà N2 cho lại bà phần đất này. Phần còn lại thì cha mẹ bà sử dụng sau đó cha mẹ bà chuyển đi sinh sống ở nơi khác (không nhớ đi năm nào) cũng cho bà phần đất còn lại ngang 14 tầm, dài 19 tầm.

Năm 1960, bà cất nhà ở trên phần đất, sau đó do chiến tranh không ở được nên bỏ đi. Năm 1975 bà tiếp tục quay về cất nhà ở trên phần đất này và sử dụng toàn bộ ngang 26 tầm, năm 1996 gia đình bà chuyển nhà về sống ở thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Năm 1998, anh S mới xuống Sông Đốc gặp bà hỏi mượn bà phần đất để cất chòi ở làm ruộng, bà cho anh S mượn đất cất chòi ngang khoảng 01 tầm mà trước đây bà N2 cho bà, khi cho mượn không làm giấy tờ nhưng có bà Huỳnh Thị N3 chứng kiến và bà có nói cho bà Huỳnh Thị T biết việc cho anh S mượn đất; phần đất còn lại là cha bà và bà N2 cho bà thì để trống. Sau đó (không nhớ năm nào) thì con bà là Phan Thanh M mới về cất nhà ở trên phần đất cha bà cho bà, hiện nay anh M sử dụng ngang

khoảng 07 tầm. Trong quá trình ở trên phần đất này thì anh S lấn chiếm đất của bà và hiện nay anh S đang sử dụng ngang khoảng là 13 tầm dài 19 tầm, đây là phần đất cha bà và bà N2 cho bà.

Phần đất tranh chấp chồng bà là ông Phan Thanh N4 có đăng ký kê khai đứng tên sổ mục kê tại thửa đất số 209, tờ bản đồ số 2, diện tích 1650m^2. Nay bà yêu cầu anh Nguyễn Văn S và chị Ngũ Thị N phải trả cho bà phần đất ngang 13 tầm, dài 19 tầm theo đo đạc thực tế phần đất tranh chấp có diện tích 299,2m^2 thuộc thửa đất số 42 và diện tích 1856,7m^2 thuộc thửa đất số 43, tờ bản đồ số 39 toạ lạc ấp Tường A, xã Vĩnh Phú Đ, huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu. Đối với phần đất diện tích 60,66m^2 thuộc phần đất kênh T lợi thì bà không có yêu cầu gì. Ngoài ra bà không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn Văn S và là người đại diện theo ủy quyền của chị Ngũ Thị N trình bày:

Nguồn gốc phần đất là của ông bà ngoại anh là ông Huỳnh Văn T và bà Đỗ Thị L khai phá. Cha mẹ anh sống chung với ông bà ngoại khoảng 04 năm, đến năm 1961 cho ra riêng nên cho cha mẹ anh phần đất ngang giáp kênh khoảng 39m, ngang phía sau khoảng 36m, dài khoảng 19 tầm, khi cho đất chỉ nói miệng, không có làm giấy tờ. Cha mẹ anh cất nhà ở trên phần đất này đến khoảng năm 1969 do chiến tranh không ở được cả xóm dọn đi, cha mẹ anh cũng dọn nhà đi về cất nhà ở trên phần đất mà cha mẹ anh nhận chuyển nhượng ở ấp Vĩnh Tường, xã Hưng Phú (hiện nay đang ở). Còn phần đất ông bà ngoại cho thì mẹ anh để đó, sau giải phóng cha mẹ anh mới về cất chòi cho anh ở trên phần đất này để làm ruộng và giữ trâu. Mẹ anh cất chòi cho anh ở được khoảng vài năm, cùng lúc này bà T ở bên nền nhà ông bà ngoại do con và cháu bà T chết nên Ông N4 chồng bà T mới hỏi cha anh cho mượn cất nhà ở trên phần đất mẹ anh. Cha mẹ anh mới dỡ chòi cho vợ chồng bà T cất nhà ở khoảng 03 năm (lúc đó anh đi giữ trâu cũng về ở nhà bà T) thì vợ chồng bà T mới đi xuống ở thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Năm 1993, cha mẹ anh cho anh ra ở riêng thì anh mới cất nhà cây gỗ địa phương để ở tại phần đất này. Anh ở được khoảng 02 năm thì anh cưới vợ là Ngũ Thị N và tiếp tục ở căn nhà này cho đến năm 2007 thì anh mới xây lại nhà mới và ở trên phần đất này cho đến nay.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu anh trả lại phần đất theo đo đạt thực tế có diện tích 299,2m^2 thuộc thửa đất số 42 và diện tích 1856,7m^2 thuộc thửa đất số 43, tờ bản đồ số 39 toạ lạc ấp Tường A, xã Vĩnh Phú Đ, huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu thì anh không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T. Do đất này là của cha mẹ anh cho anh và anh đã sử dụng ổn định từ trước đến nay, anh không có mượn đất hay lấn chiếm đất của bà T như bà T trình bày. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ngũ Thị N, anh Nguyễn Văn G và chị Nguyễn Thị Mỹ N1 trình bày: Thống nhất theo toàn bộ lời trình bày và quyết định của anh S, không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Thanh M trình bày:

Anh thống nhất theo toàn bộ lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà T, không có ý kiến hay yêu cầu gì khác trong vụ án này.

Từ những nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 106/2022/DS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T yêu cầu anh Nguyễn Văn S và chị Ngũ Thị N trả phần đất diện tích 299,2m^2 thuộc thửa đất số 42 và diện tích 1856,7m^2 thuộc thửa đất số 43, tờ bản đồ số 39 (bản đồ 323) toạ lạc ấp Tường A, xã Vĩnh Phú Đ, huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, áp dụng các quy định của Luật Thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án và tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25 tháng 10 năm 2022, bà Huỳnh Thị T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Huỳnh Thị T giữ nguyên kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Huỳnh Thị T trình bày: Đất có nguồn gốc của cụ T, cụ L cho bà T. Ngoài ra, bà N2 cũng cho đất bà T, việc cho đất có ông T5, bà N3 biết chứng kiến. Lời khai của bà T cũng xác định phần đất tranh chấp là của bà T. Ngoài ra, phần đất này có Ông N4 là chồng bà T có kê khai đứng tên sổ mục kê. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T, sửa Bản án sơ thẩm, buộc anh S chị N trả đất theo yêu cầu khởi kiện của bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 106/2022/DS –ST ngày 12/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị T trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Các đương sự bà T, anh S và người làm chứng là bà T, bà N3 đều xác nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cụ T và cụ L nhận chuyển nhượng của người khác trước năm 1960, có chiều ngang 26 tầm, chiều dài 19 tầm (01 tầm = 3m).

[4] Nguyên đơn bà T xác định khoảng năm 1960 cha mẹ bà là cụ T và cụ L tặng cho bà phần đất ngang 07 tầm, dài 19 tầm. Năm 1963 cụ T cụ L tặng cho bà Huỳnh Thị N2 phần đất ngang 05 tầm, dài 19 tầm, 03 năm sau bà N2 cho lại bà phần đất trên, phần đất còn lại của cụ T cụ L cũng tặng cho bà hết, việc tặng cho các phần đất chỉ nói miệng, không làm giấy tờ, nhưng có chị em trong gia đình biết và Ông N4 là chồng bà có đăng ký kê khai đứng tên sổ mục kê. Năm 1998 anh S mượn đất của bà cất chòi ở làm ruộng.

[5] Bị đơn anh S xác định phần đất tranh chấp được ông bà ngoại là cụ T cụ L tặng cho cho mẹ anh là bà N2, ông L trước năm 1960, cha mẹ anh cất nhà ở, năm 1969 cả xóm đều dọn đi nơi khác ở do C tranh, sau giải phóng thì gia đình anh về lại cất chòi ở trên phần đất này, năm 1993 anh S ra riêng cất nhà cây gỗ địa phương, năm 2007 anh cất nhà kiên cố ở đến nay.

[6] Tại biên bản lấy lời khai của bà Huỳnh Thị N3 và bà Huỳnh Thị T cùng ngày 26/6/2019 (bút lục số 113, 114) xác định: Bà N3 và bà T là chị em ruột với bà T và là dì ruột của anh S, phần đất tranh chấp bà Thảo nghe bà T nói lại là bà N2 cho đất bà T và bà T cho anh S mượn đất ở, bà T không có chứng kiến trực tiếp, còn bà N3 xác định phần đất tranh chấp có nguồn gốc của cụ T và cụ L để lại cho bà T và bà N2, còn diện tích bao nhiêu bà không biết. Lời khai của bà N2 xác định phần đất tranh chấp bà được cha mẹ tặng cho và bà không có tặng đất cho bà T. Lời khai của ông Trần Văn T (bút lục số 116) xác định ông sinh sống từ nhỏ đến nay ở địa phương nên biết bà T, Ông N4 sử dụng đất này từ năm 1968 để làm ruộng và ở cho đến nay.

[7] Xét thấy, lời khai của bà T và bà N3 xác định không chứng kiến việc bà N2 cho đất bà T; còn ông T xác định bà T sử dụng phần đất này từ năm 1968 đến nay là không đúng thực tế, phần đất này anh S sử dụng cất nhà ở từ năm 1993, đến năm 2007 cất nhà kiên cố đến nay, việc anh S sử dụng đất cất nhà ở trồng cây ăn trái bà T đều biết nhưng không có phản đối. Phần đất tranh chấp mặc dù Ông N4 là chồng bà T đứng tên trong sổ mục kê nhưng gia đình bà T không có quản lý, sử dụng, đồng thời sổ mục kê do tự kê khai với chính quyền địa phương, không phải là chứng thư pháp lý chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặt khác, bà T xác định phần đất tranh chấp bà cho anh S mượn, nhưng anh S không thừa nhận. Do đó, Bản án sơ thẩm không chấp nhận khởi kiện của bà T là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bà T không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà T.

[8] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có căn cứ nên được chấp nhận.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm bà T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên được miễn án phí.

[10] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị T; giữ nguyên Bản án số 106/2022/DS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 40, 91, 147, 186, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 100, 166, 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T yêu cầu anh Nguyễn Văn S và chị Ngũ Thị N trả phần đất diện tích 299,2m^2 thuộc thửa đất số 42 và diện tích 1856,7m^2 thuộc thửa đất số 43, tờ bản đồ số 39 (bản đồ 323) toạ lạc ấp Tường A, xã Vĩnh Phú Đ, huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tài sản tranh chấp số tiền 1.195.000 đồng buộc bà Huỳnh Thị T phải chịu. Bà Huỳnh Thị T đã dự nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền 1.000.000 đồng theo Phiếu thu số 27/TB-TĐ ngày 26/02/2019 và số tiền 195.000 đồng theo Phiếu thu số 134/TB-TĐ ngày 12/7/2019, đã chi hết số tiền 1.195.000 đồng.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị T được miễn nộp án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND H. Phước L;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- CCTHADS H. Phước L;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

Trương Thanh Dũng